

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAMICO VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VINAMICO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM VINAMICO JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107948492

3. Ngày thành lập: 04/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Mới, Xã Dương Liễu, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản Quản lý bất động sản Môi giới bất động sản	6820
3.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
4.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
6.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
7.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
8.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
9.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062(Chính)
10.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
11.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
12.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
13.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
15.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
16.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074

17.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
18.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
19.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
20.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
21.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
23.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
24.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
25.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
26.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
27.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
28.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
29.	Bán buôn thực phẩm	4632
30.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
31.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
32.	Xây dựng nhà các loại	4100
33.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
34.	Phá dỡ	4311
35.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
36.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
37.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
38.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
39.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
40.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
41.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
42.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
43.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
44.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
45.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
46.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
47.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
48.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
49.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
50.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
51.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073

52.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
53.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
54.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
55.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
56.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
57.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
58.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
59.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy. Thiết kế quy hoạch xây dựng Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. Thẩm định thiết kế xây dựng công trình Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng Tư vấn quản lý dự án Kiểm định xây dựng Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Thiết kế phòng cháy - chữa cháy Tư vấn quản lý chi phí tư vấn đầu tư xây dựng Dịch vụ tư vấn đấu thầu	7110
60.	Xây dựng công trình công ích	4220
61.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy tái chế và xử lý rác thải; Các xưởng hóa chất	4290
62.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
63.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512

6. Vốn điều lệ: 9.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN DUY MINH	Xóm Mới, Xã Dương Liễu, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	594.000	5.940.000.000	60,000	001091003717	
			Tổng số	594.000	5.940.000.000	60,000		
2	NGUYỄN VĂN CẢNH	Thôn Cao Hạ, Xã Đức Giang, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	198.000	1.980.000.000	20,000	112316113	
			Tổng số	198.000	1.980.000.000	20,000		
3	DUY THỊ HỒNG	Xóm Mới, Xã Dương Liễu, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	198.000	1.980.000.000	20,000	001195001783	
			Tổng số	198.000	1.980.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN DUY MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001091003717

Ngày cấp: 28/10/2014

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Mới, Xã Dương Liễu, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Mới, Xã Dương Liễu, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội